

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023 – 2025

Thực hiện Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023 – 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo ra môi trường sống ở nông thôn an toàn và bền vững; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tối thiểu 72% dân số nông thôn được tiếp cận bền vững với nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; 30% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung; đảm bảo cấp nước sạch sinh hoạt quy mô hộ gia đình cho các hộ dân tại những khu vực chưa có khả năng tiếp cận với nước cấp tập trung.

- Ít nhất 50% số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn; 90% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý; phần đầu có 01-02 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện trở lên với công nghệ phù hợp.

- Ít nhất 15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.

- Ít nhất 80% chất thải chăn nuôi và 60% phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Có 60% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.



- Có 100% chất thải rắn và 100% nước thải sản xuất của các làng nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định.

- Ít nhất 35% số huyện có đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và có mô hình xây dựng hoặc cải tạo cảnh quan ao hồ.

- Có 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; 80% số xã có tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Ít nhất 90% hộ gia đình nông thôn và 100% trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Cấp nước sạch nông thôn

- Thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và duy tu bảo dưỡng các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh. Rà soát, kiểm tra các công trình cấp nước để ưu tiên nâng cấp, sửa chữa nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân.

- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng mạng lưới tuyến ống công trình cấp nước tập trung nông thôn (tập trung nâng cấp công nghệ xử lý nước, nâng công suất, mở rộng mạng lưới tuyến ống, ổn định nguồn nước khai thác).

- Vận động, tuyên truyền người dân tham gia sử dụng nguồn nước sạch, hợp vệ sinh, phấn đấu đến năm 2025 tăng thêm 7.000 hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch, nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý, nhất là quản lý mạng lưới cấp nước trên cơ sở ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS vào hoạt động.

2. Chất thải rắn sinh hoạt

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng từ 01 - 02 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện hoặc liên huyện, áp dụng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện đồng bộ việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình; xây dựng và triển khai mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các địa bàn có mật độ dân cư khác nhau và mục đích sử dụng chất thải sau phân loại.

- Tổ chức mạng lưới thu gom triệt để và hiệu quả; hình thành và hoàn thiện các phương thức thu gom phù hợp; bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan.

- Xây dựng, triển khai và hoàn thiện mô hình liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải (như chế biến phân ủ sinh học tạo sản phẩm phân bón hữu cơ,...).

3. Nước thải sinh hoạt

- Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn của xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn phù hợp với đặc thù của địa phương.

- Triển khai thí điểm mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn ở thị xã Hòa Thành; mô hình thu phí xử lý nước thải sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn.

4. Chất thải và phụ phẩm nông nghiệp

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác. Hỗ trợ thực hiện công trình xử lý chất thải chăn nuôi bằng khí sinh học và đệm lót sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng mô hình cung cấp, trao đổi chất thải chăn nuôi để hình thành thị trường trao đổi chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị sản xuất các loại phân hữu cơ.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp.

5. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật

- Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, đảm bảo không phát tán ra môi trường.

- Nhân rộng các mô hình quản lý, thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

6. Bảo vệ môi trường khu vực nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp, xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phù hợp đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khu vực nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

7. Cảnh quan môi trường nông thôn

- Xây dựng và triển khai thực hiện đề án cấp huyện về cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt khu vực công cộng; tổ chức theo dõi diễn biến chất lượng nước ao, hồ công cộng nằm trong khu dân cư nông thôn; cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước khi bị ô nhiễm.

- Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 1556/KH-UBND ngày 17/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

8. An toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản

- Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản cũng như thực hiện các quy định liên quan đến an toàn

thực phẩm theo quy định. Hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ an toàn thực phẩm quy mô cấp huyện, liên huyện, cấp tỉnh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh và an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giám sát của cộng đồng về an toàn thực phẩm; phát triển các tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm; tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 846/KH-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021 – 2030” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Kế hoạch số 986/KH-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh về Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023.

9. Công tác vệ sinh

- Tiếp cận vệ sinh cho người khuyết tật; huy động, vận động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; đảm bảo các trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Hoàn thiện, phổ biến và nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở, trạm y tế.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Truyền thông và nâng cao năng lực

- Chuyển đổi tư duy nhận thức, kiến thức, pháp luật, hành động của người dân, cán bộ nông thôn mới các cấp về các tác động của môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch đến sức khỏe của con người và các hoạt động sản xuất.

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát huy hiệu quả của truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội và các hình thức truyền thông mới; xây dựng các chương trình chuyên đề, chuyên mục định kỳ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát sóng định kỳ trên các đài truyền hình, truyền thanh, báo viết, báo điện tử.

- Phát động các phong trào thi đua chuyên đề để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có giải pháp, sáng kiến nhằm giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; tổ chức các cuộc thi nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tại cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn và vận hành các công trình cấp nước và xử lý chất thải.

- Xây dựng các bộ sản phẩm truyền thông mẫu, thiết kế mẫu về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách về huy động nguồn lực, quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch và công trình xử lý chất thải trên cơ sở hợp tác công - tư.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và quản lý cộng đồng trong bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; lồng ghép vào các quy ước, quy chế của địa phương; quy chế để vận hành hiệu quả các mô hình, công trình cấp nước sạch và bảo vệ môi trường nông thôn.

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường nông thôn, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm cho các vùng đặc thù và vùng khó khăn.

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách về quy hoạch và quản lý đất đai liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm; rà soát, hoàn thiện quy hoạch nông thôn của các xã, huyện theo hướng tích hợp các nội dung về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm; chủ động bố trí quỹ đất phục vụ cho các công trình nước sạch, bảo vệ môi trường trong kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

3. Khoa học công nghệ

- Rà soát, cập nhật, chuyển giao và ứng dụng công nghệ về cấp nước và bảo vệ môi trường theo hướng giảm chi phí đầu tư và vận hành, kỹ thuật vận hành đơn giản, thân thiện với môi trường; ưu tiên lựa chọn các công nghệ sản xuất trong nước, công nghệ hiện đại, tuần hoàn và thân thiện với môi trường.

- Rà soát, xây dựng và ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn và các định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm.

- Tăng cường chuyển đổi số trong thực hiện các nội dung của Chương trình; lồng ghép việc triển khai xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm trong Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

4. Huy động nguồn lực

- Huy động nguồn lực về xã hội hóa bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù của mỗi khu vực; cơ chế huy động đóng góp của người sử dụng nước và các nguồn lực trong bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Cân đối kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của địa phương, ưu tiên phân bổ ngân sách cho việc thực hiện tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động tối đa nguồn lực trong xã hội tham gia bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, trong đó có xã

hội hóa xây dựng các công trình cấp nước tập trung, khu xử lý rác thải quy mô liên huyện.

5. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức Chính trị - Xã hội

- Phát huy vai trò của các Doanh nghiệp, các Tổ chức Chính trị - Xã hội trong phối hợp với chính quyền tham gia xây dựng, vận hành các công trình, hệ thống, mô hình về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trên cơ sở quy chế phối hợp, phân công trách nhiệm và cơ chế tài chính rõ ràng, minh bạch và có sự đồng thuận cao; khuyến khích hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm bảo vệ môi trường đứng ra đảm nhận quản lý, vận hành mô hình bảo vệ môi trường sau đầu tư tại địa phương.

- Cộng đồng dân cư, các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn xây dựng quy chế, quy ước có nội dung cụ thể, rõ ràng; giám sát sử dụng các công trình của người dân địa phương.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh, các Tổ chức Chính trị - Xã hội, cộng đồng và người dân trong công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên về bảo vệ môi trường cấp cơ sở.

IV. KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

- Vốn ngân sách Trung ương của Chương trình được bố trí trong kế hoạch vốn ngân sách Trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025: 1.541.250.000 đồng (*một tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Vốn ngân sách địa phương: 2.421.640.000 đồng (*hai tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Vốn xã hội hóa (các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư,...).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

2. Cơ chế tài chính của Chương trình: thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổng kinh phí thực hiện: 3.962.890.000 đồng (*ba tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

Các nhiệm vụ và nguồn vốn thực hiện chi tiết tại phụ lục kèm theo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện theo hướng dẫn của chương trình và thực hiện tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện Chương trình, yêu cầu của các cơ quan Trung ương.

- Phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan tham mưu ưu tiên phân bổ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nông thôn trong phạm vi Chương trình; triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thực hiện Chương trình; vận động các nguồn lực khác, nhất là vận động doanh nghiệp để tham gia xây dựng các mô hình có liên quan.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cán bộ NTM các cấp về cấp nước sạch, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm; kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Triển khai các mô hình thí điểm thuộc Chương trình được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và các cơ chế, chính sách, hướng dẫn của Trung ương và địa phương để thực hiện Chương trình.

- Hướng dẫn và triển khai các nội dung về cung cấp nước sạch nông thôn; xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp; cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn; an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tập huấn các nội dung bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành, UBND cấp huyện hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các địa phương triển khai thực hiện Chương trình theo đúng tiến độ và quy định hiện hành.

- Thực hiện hoặc phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn; xử phạt nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo thẩm quyền.

- Ban hành hướng dẫn, đôn đốc và chỉ đạo UBND cấp huyện triển khai các nội dung về phân loại thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bảo vệ môi trường làng nghề, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tập trung.

- Đề xuất các mô hình: xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện hoặc liên huyện; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ vốn ngân sách Trung ương và địa phương thực hiện Chương trình vào kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; thẩm định, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, phù hợp, thân thiện với môi trường.

6. Sở Y tế

Hướng dẫn và triển khai các nội dung về công tác vệ sinh cá nhân, an toàn thực phẩm; chỉ đạo, kiểm tra và hướng dẫn địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và hệ thống cấp nước tập trung.

7. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các hộ dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện trong Chương trình được vay vốn triển khai, vốn đối ứng, đóng góp xây dựng các mô hình đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

8. Các Sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của các cơ quan Trung ương và các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan tại kế hoạch này triển khai thực hiện, lồng ghép thực hiện, phối hợp báo cáo, đánh giá khi có yêu cầu.

9. Đề nghị Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường ở nông thôn.

- Phối hợp với chính quyền tham gia xây dựng, vận hành các công trình, hệ thống, mô hình về cấp nước sạch và bảo vệ môi trường; chỉ đạo cấp cơ sở đứng ra đảm nhận quản lý, vận hành các mô hình thí điểm đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

- Tham gia giám sát, phản biện và đánh giá sự hài lòng của người hưởng thụ các mô hình đã triển khai thực hiện.

- Tiếp tục duy trì và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở.

10. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, hướng dẫn các cấp Hội địa phương thực hiện chỉ tiêu 17.8 thuộc tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm (đối với xã nông thôn mới) và chỉ tiêu 18.7 trong tiêu chí 18 về chất lượng môi trường sống (đối với xã nông thôn mới nâng cao) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (kèm theo Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh).

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành, UBND cấp huyện kiểm tra, giám sát các địa phương triển khai thực hiện Chương trình theo đúng tiến độ và quy định hiện hành.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch này; bố trí kinh phí theo phân cấp tài chính ưu tiên thực hiện nội dung Chương trình; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của các sở, ngành thực hiện ở địa phương.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; tăng cường trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

- Truyền truyền vận động và phát huy vai trò của doanh nghiệp, huy động các nguồn lực khác, nhất là vận động doanh nghiệp để tham gia xây dựng các mô hình; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã truyền truyền vận động cộng đồng dân cư trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

- Xây dựng kinh phí, tổ chức thực hiện việc quản lý, thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thường xuyên trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo UBND cấp xã và cơ quan chuyên môn liên quan tổ chức thực hiện Chương trình; đồng thời, kịp thời kiểm tra, giám sát, theo dõi, báo cáo kết quả Chương trình.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ trước ngày 20/11 hàng năm, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hàng năm, báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, ngành liên quan.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023 – 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP điều phối XDNTM tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục

ĐỀ XUẤT NỘI DUNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2023 – 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Kế hoạch số 1259/KH-UBND ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện			Ghi chú	
					Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn (2023-2025)	Năm			
						2023	2024		2025
I	Các mô hình thí điểm đề nghị Trung ương hỗ trợ								
1	Mô hình xử lý, tuần hoàn chất thải chăn nuôi								
1.1	Mô hình "Sử dụng chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất hữu cơ và bioga (khí sinh học) trên địa bàn các xã: Thanh Phước, Cẩm Giang, Phước Thạnh, Bàu Đồn huyện Gò Dầu"	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Các xã: Thanh Phước, Cẩm Giang, Phước Thạnh, Bàu Đồn huyện Gò Dầu	(1) Tận dụng chất thải chăn nuôi để sản xuất phân bón hữu cơ và biogas; (2) Cải tạo môi trường chăn nuôi góp phần nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh trên động vật nuôi; (3) Cải tạo môi trường sinh thái góp phần nâng cao vệ sinh môi trường nông thôn.	1.135.640.000	454.256.000 (ngân sách Trung ương: 327.600.000; ngân sách địa phương: 126.656.000)	681.384.000 (ngân sách Trung ương: 491.400.000; ngân sách địa phương: 189.984.000)		Đã đăng ký thực hiện mô hình gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc đăng ký thực hiện mô hình chỉ đạo điểm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện			Ghi chú	
					Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn (2023-2025)	Năm			
						2023	2024		2025
1.2	Xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình	Phòng Kinh tế thị xã Hòa Thành phối hợp với đơn vị/doanh nghiệp có đủ năng lực	04 xã nông thôn trên địa bàn thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Xã Trường Hòa, Trường Đông, Trường Tây, Long Thành Nam)	Hỗ trợ 100 hộ gia đình ở các xã nông thôn để đạt mục tiêu ít nhất 15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.	750.000.000	375.000.000 (ngân sách Trung ương: 150.000.000; ngân sách địa phương: 225.000.000)	375.000.000 (ngân sách Trung ương: 150.000.000; ngân sách địa phương: 225.000.000)		
II	Các mô hình hiện có, cần nhân rộng tại địa phương (cấp nước, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm,...)								
1	Mô hình cấp nước								

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện			Ghi chú	
					Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn (2023-2025)	Năm			
						2023	2024		2025
	Sử dụng công nghệ lắng lamen trong giai đoạn xử lý nước tại các công trình cấp nước tập trung	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	huyện Châu Thành; huyện Dương Minh Châu	Sử dụng công nghệ lắng lamen trong giai đoạn xử lý nước thay thế lắng lọc nước cơ bản, nâng cao chất lượng nước đầu ra.	600.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000	Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách địa phương.
2	Mô hình bảo vệ môi trường								
	Mô hình "5 có. 3 sạch"	Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp	các xã Nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu (mục tiêu đến năm 2025 là 36 xã)	100% hộ gia đình nơi thực hiện mô hình đảm bảo có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	272.250.000	90.750.000	90.750.000	90.750.000	Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Trung ương. Hội LHPN tỉnh đã đề xuất kinh phí trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023
3	Mô hình an toàn thực phẩm								
	Mô hình "Phụ nữ nói không với thực phẩm bẩn"	Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp	Hội Liên hiệp phụ nữ xã/phường/thị trấn	94/94 xã/phường/thị trấn nhân rộng thực hiện mô hình	300.000.000	100.000.000 (ngân sách Trung ương 50.000.000; ngân sách địa phương: 50.000.000)	100.000.000 (ngân sách Trung ương 50.000.000; ngân sách địa phương: 50.000.000)	100.000.000 (ngân sách Trung ương 50.000.000; ngân sách địa phương: 50.000.000)	Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện			Ghi chú	
					Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn (2023-2025)	Năm			
						2023	2024		2025
III	Các nội dung có thể lồng ghép vào các chương trình, dự án, kế hoạch... của địa phương để đạt được các mục tiêu của Chương trình 925								
1	Trang bị bể chứa bao bì thuốc BVTV sau sử dụng tại những vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh, tổ chức thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Toàn tỉnh	Giúp nông dân có ý thức, thói quen thu gom bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng; không vứt tại đồng ruộng, kênh, rạch, mương nước, ... tạo môi trường sản xuất nông nghiệp hạn chế ô nhiễm môi trường	400.000.000	200.000.000	200.000.000		Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách địa phương (kinh phí sự nghiệp môi trường)
2	Kế hoạch nâng cao chuỗi giá trị chuỗi chăn nuôi bò (Hỗ trợ xây dựng 62 biogas)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Toàn tỉnh	Tận dụng chất thải chăn nuôi để sản xuất biogas; Cải tạo môi trường chăn nuôi góp phần nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh trên động vật nuôi; và vệ sinh môi trường nông thôn	310.000.000	103.000.000	103.000.000	104.000.000	Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách địa phương (kinh phí sự nghiệp nông nghiệp)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện			Ghi chú	
					Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn (2023-2025)	Năm			
						2023	2024		2025
3	Kế hoạch triển khai “Chuỗi chăn nuôi heo giai đoạn 2022 – 2025” (Hỗ trợ xây dựng 39 biogas)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Toàn tỉnh	Tận dụng chất thải chăn nuôi để sản xuất biogas; Cải tạo môi trường chăn nuôi góp phần nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh trên động vật nuôi; và vệ sinh môi trường nông thôn	195.000.000	65.000.000	65.000.000	65.000.000	Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách địa phương (kinh phí sự nghiệp nông nghiệp).
Tổng kinh phí đề nghị từ ngân sách Trung ương hỗ trợ					1.541.250.000	618.350.000	782.150.000	140.750.000	
Tổng kinh phí đề nghị từ ngân sách địa phương hỗ trợ					2.421.640.000	969.656.000	1.032.984.000	419.000.000	
Tổng Kinh phí					3.962.890.000	1.588.006.000	1.815.134.000	559.750.000	